D. có tác dụng điều hòa lượng nước trên mặt đất và giữ mực nước ngầm.

Câu 28. Ngành lâm nghiệp có vai trò đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta chủ yếu do

A. rừng có nhiều giá trị về kinh tế và môi trường sinh thái.

B. nhu cầu về tài nguyên rừng cho sản xuất và đời sống rất phổ biến,

C. nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển.

D. độ che phủ rừng nước ta tương đối lớn và hiện cso xu hướng gia tăng.

Câu 29. Các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên được xếp vào nhóm

A. rừng sản xuất **B.** rừng phòng hộ **C.** rừng đặc dụng. **D.** rừng tái sinh.

Câu 30. Vai trò quan trọng nhất của các khu rừng đặc dụng là

A. phát triển hoạt động du lịch sinh thái.

B. bảo vệ môi trường đất và môi trường nước.

C. bảo vệ hệ sinh thái và các giống loài quý hiếm.

D. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Câu 31. Phần lớn diện tích rừng ngập mặn ven biển của nước ta tập trung chủ yếu ở vùng

A. ĐBSH **B.** Bắc Trung Bộ. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** ĐBSCL

Câu 32. Rừng ngập mặn **không** có vai trò nào sau đây?

A. Nơi cư trú của nhiều loài thủy sản. **B.** Cung cấp gỗ củi cho dân dụng.

C. Có tác dụng chắn sóng và lấn biển. **D.** Hạn chế lũ trên các sông lớn.

Câu 33. Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm, chủ yếu do

A. phá rừng để mở rộng đất thổ cư. **B.** mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

C. phá rừng để khai thác gỗ củi. **D.** ô nhiễm môi trường đất và nước

Câu 34. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng diện tích rừng nước ta trong những năm gần đây là do

A. đẩy mạnh trồng rừng và chính sách giao rừng cho dân.

B. sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương.

C. chiến tranh đã kết thúc.

D. sự hạn chế nạn du canh, du cư của đồng bào các dân tộc.

Câu 35.Các xí nghiệp gỗ và lâm sản tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ do

A. có nguồn nguyên liệu phong phú. **B.** công nghiệp chế biến gỗ phát triển.

C. gần thị trường tiêu thụ. **D.** tận dụng nguồn lao động.

Câu 36. Hoạt động nào sau đây **không** phải của ngành lâm nghiệp?

A. Trồng rừng. **B.** Khoanh nuôi và bảo vệ rừng.

C. Khai thác, chế biến lâm sản. **D.** Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi.

CHỦ ĐỀ: CÔNG NGHIỆP

Câu 1: Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

A. hải đảo. **B.** sơn nguyên. **C.** ven biển. **D.** núi cao.

Câu 2: Thủy điện nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Năng lượng. **B.** Cơ khí **C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Luyện kim.

Câu 3: Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

A. đồng bằng. **B.** hải đảo. **C.** sơn nguyên. **D.** núi cao.

Câu 4: Nhiệt điện ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Cơ khí. **B.** Luyện kim. **C.** Năng lượng. **D.** Vật liệu xây dựng.

LIVEWORKSHEETS

Câu 5: Công nghiệp nước ta hiện nay
A. thu hút nhiều đầu tư. **B.** chỉ có chế biến. **C.** còn thô sơ. **D.** rất ít sản phẩm.
Câu 6: Khai thác than ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?
A. Cơ khí. **B.** Năng lượng. **C.** Luyện kim. **D.** Hóa chất.
Câu 7: Công nghiệp nước ta hiện nay
A. có nhiều trung tâm. **B.** ít sản phẩm. **C.** chỉ có khai khoáng. **D.** rất hiện đại.
Câu 8: Khai thác dầu khí ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?
A. Năng lượng. **B.** Cơ khí. **C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Luyện kim.
Câu 9: Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay
A. tập trung ở các đảo. **B.** chỉ có ở đồng bằng. **C.** đều khắp ở đồi núi. **D.** có ở nhiều nơi.
Câu 10: Trong cơ cấu công nghiệp năng lượng nước ta có ngành
A. nhiệt điện. **B.** chế biến thực phẩm. **C.** vật liệu xây dựng. **D.** hóa chất.
Câu 11: Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay
A. tập trung ở miền núi. **B.** chỉ có ở ven biển. **C.** chỉ có ở đồng bằng. **D.** phân bố ở nhiều nơi.
Câu 12: Trong cơ cấu công nghiệp năng lượng nước ta có ngành
A. khai thác than. **B.** luyện kim đen. **C.** dệt, may. **D.** hóa chất.
Câu 13: Tỉ trọng công nghiệp chế biến tăng trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
A. Khả năng thu hút vốn đầu tư cao. **B.** Do chính sách của Nhà nước.
C. Đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. **D.** Xuất khẩu ngày càng mở rộng.
Câu 14: Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu tại
A. vùng đồi núi. **B.** các vùng nguyên liệu. **C.** các đô thị lớn. **D.** các cảng biển.
Câu 15: Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống
A. sông Đồng Nai. **B.** sông Hồng. **C.** sông Mã. **D.** sông Cả.
Câu 16: Tác động lớn nhất của quá trình công nghiệp hóa đến nền kinh tế nước ta là
A. tạo thị trường có sức mua lớn. **B.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. tăng thu nhập cho người lao động. **D.** tạo việc làm cho người lao động.
Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành công nghiệp dầu khí ở nước ta hiện nay?
A. Lọc, hóa dầu chưa đáp ứng được yêu cầu. **B.** Nước ta chủ động hoàn toàn về khai thác.
C. Nguy cơ ô nhiễm môi trường biển rất cao. **D.** Phát triển chủ yếu ở khu vực phía Nam.
Câu 18: Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở
A. mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.
B. tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.
C. sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.
D. số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.
Câu 19: Điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và miền Nam là
A. các nhà máy miền Nam thường có quy mô lớn hơn miền Bắc.
B. miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.
C. miền Bắc nằm gần vùng nhiên liệu, miền Nam gần thành phố.
D. miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.
Câu 20: Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước nhưng tổng giá trị sản xuất công nghiệp **không** phải đứng đầu là
A. Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải miền Trung.
Câu 21: Vùng nào sau đây có lợi thế nhất để phát triển công nghiệp chế biến thủy, hải sản?
A. Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên Hải Nam Trung Bộ.

LIVEWORKSHEETS

C. Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 22: Việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường. **B.** Tạo sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài.

C. Giải quyết việc làm cho lao động. **D.** Thúc đẩy sự phân công lao động.

Câu 23: Sản xuất hàng tiêu dùng là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta chủ yếu do có

A. sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.

B. cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.

C. tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.

D. thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

Câu 24: Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang chuyển dịch rõ nét nhằm

A. thích nghi với cơ chế thị trường, hội nhập khu vực, thế giới.

B. nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao chất lượng sản phẩm.

C. phát huy tiềm năng và thế mạnh của các thành phần kinh tế.

D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm.

Câu 25: Vai trò quan trọng của công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm đối với nông nghiệp là

A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

B. đa dạng hơn trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

C. nâng cao chất lượng và giá trị của các nông sản.

D. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

Câu 26: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. **B.** xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

C. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ. **D.** đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

Câu 27: Vai trò quan trọng của công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm đối với nông nghiệp là

A. góp phần tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

B. tăng tính đa dạng trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

C. nâng cao chất lượng và giá trị thương phẩm của nông sản.

D. thúc đẩy sản xuất hàng hóa qui mô lớn trong nông nghiệp.

Câu 28: Công nghiệp ở trung du và miền núi nước ta còn gặp nhiều hạn chế trong phát triển là do

A. vị trí địa lí không thuận lợi. **B.** nghèo tài nguyên khoáng sản.

C. thiếu lao động có chuyên môn cao. **D.** điều kiện phát triển thiếu đồng bộ.

Câu 29: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp xay xát?

A. Cà phê nhân. **B.** Nước mắm. **C.** Đường mía. **D.** Gạo, ngô.

Câu 31: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

A. Thịt hộp. **B.** Nước mắm. **C.** Rượu, bia. **D.** Sữa hộp.

Câu 32: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Cà phê nhân. **B.** Chè búp khô. **C.** Đường mía. **D.** Cá đóng hộp.

Câu 33: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Nước mắm. **B.** Gạo, ngô. **C.** Đường mía. **D.** Cà phê nhân.

Câu 34: Loại nào sau đây ở nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Cà phê nhân. **B.** Chè búp khô. **C.** Cá đóng hộp. **D.** Thịt hộp.

Câu 35: Các nhà máy nhiệt điện khí nước ta tập trung chủ yếu ở

A. trung bộ. **B.** đồng bằng. **C.** vùng ven biển. **D.** miền Nam.

Câu 36: Công nghiệp chế biến chè nước ta hiện nay phân bố

A. đồng bằng và ven biển. **B.** ở trung du, miền núi.

C. tập trung ở đô thị. **D.** chủ yếu ở đồng bằng.

Câu 37: Cơ cấu sản lượng điện nước ta hiện nay ưu thế nghiêng về

LIVEWORKSHEETS

A. sản xuất điện từ gió. **B.** sản xuất từ thủy điện.
C. sản xuất từ địa nhiệt. **D.** nhiệt điện từ than, khí.

Câu 38: Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay **không** phải là

A. cơ khí - điện tử. **B.** luyện kim màu. **C.** vật liệu xây dựng **D.** năng lượng.

Câu 39: Sông có tiềm năng thủy điện lớn nhất trên hệ thống sông Hồng là

A. sông Đà. **B.** sông Gâm. **C.** sông Lô. **D.** sông Chảy.

Câu 40: Theo cách phân loại hiện hành nước ta có

A. 2 nhóm với 28 ngành. **B.** 3 nhóm với 29 ngành.
C. 4 nhóm với 30 ngành. **D.** 5 nhóm với 31 ngành.

Câu 41: Công nghiệp chế biến rượu, bia, nước ngọt ở nước ta phân bố tập trung ở

A. các đồng bằng lớn. **B.** gần nơi tiêu thụ.
C. các đô thị lớn. **D.** gần nguồn nguyên liệu.

Câu 42. Vùng nào sau đây của nước ta có ngành công nghiệp phát triển nhất?

A. Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 43. Các nhà máy nhiệt điện ở phía Bắc nước ta hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu từ

A. khí đốt. **B.** dầu nhập. **C.** than. **D.** năng lượng mới.

Câu 44: Sản phẩm nào sau đây ở nước ta **không** thuộc công nghiệp khai thác nhiên nhiên liệu?

A. than đá. **B.** dầu mỏ. **C.** khí đốt. **D.** Quặng sắt.

Câu 45: Than là cơ sở nhiên liệu chủ yếu của nhà máy nhiệt điện nào sau đây ở nước ta?

A. Cà Mau. **B.** Thủ Đức. **C.** Bà Rịa. **D.** Phả Lại.

Câu 46: Đặc điểm **không** đúng với cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay là

A. tập trung một số nơi. **B.** có các ngành trọng điểm.
C. tương đối đa dạng. **D.** có sự chuyển dịch rõ rệt.

Câu 47: Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác dầu khí ở nước ta là

A. Cửu Long và Nam Côn Sơn. **B.** Na Dương và Nam Côn Sơn.
C. Nam Côn Sơn và sông Hồng. **D.** Thổ Chu – Mã Lai và sông Hồng.

Câu 48: Thế mạnh của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta là

A. nguyên liệu, thị trường. **B.** lao động, thị trường. **C.** thị trường, nhiên liệu. **D.** nguồn vốn, chính sách.

Câu 49: Công nghiệp năng lượng bao gồm khai thác

A. dầu mỏ và năng lượng mặt trời. **B.** nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện.
C. nhiệt điện và điện nguyên tử, gió. **D.** nhiên liệu than, dầu mỏ, quặng sắt.

Câu 50: Vùng có tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta là

A. Tây Nguyên. **B.** Đồng bằng Sông Hồng.
C. TD miền núi Bắc Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

LIVEWORKSHEETS